

QUAN ĐIỂM VỀ BẢN THỂ TRONG TƯ TƯỞNG THIỀN CỦA TRẦN THÁI TÔNG

Đỗ Hương Giang^(*)

^(*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

Email: huonggiangkhh@yahoo.com

Nhận ngày 22 tháng 10 năm 2023. Chấp nhận đăng ngày 05 tháng 01 năm 2024.

Tóm tắt: Trên cơ sở luận giải tiên đề cho sự hình thành quan điểm về bản thể của Trần Thái Tông, bài viết tập trung làm rõ những nội dung cơ bản trong quan niệm của Trần Thái Tông về bản thể được thể hiện trên hai phương diện: 1) Khái niệm bản thể; 2) Mối quan hệ giữa bản thể và thế giới hiện tượng. Từ đó, bài viết nhấn mạnh, theo Trần Thái Tông, bản thể là thực tại cuối cùng, không có khởi đầu và cũng không có kết thúc. Bản thể hay chân như (chân lý tuyệt đối) có mối quan hệ bất khả phân ly với thế giới hiện tượng (chân lý tương đối), cái này là biểu hiện của cái kia và cái kia được biểu hiện ra nhờ cái này một cách biện chứng.

Từ khóa: Trần Thái Tông, thiền thời Lý, bản thể, chân như, thế giới hiện tượng.

Trần Thái Tông (1218 - 1277), tên húy là Trần Cảnh, năm lên 8 tuổi được vợ là Lý Chiêu Hoàng nhường ngôi, trở thành vị khai nguyên đời Trần. Năm 1237, đau buồn trước hoàn cảnh gia đình, Trần Thái Tông đã bỏ ngôi vua trốn đến núi Yên Tử mong tìm sự yên tĩnh cho tâm hồn trong giáo lý nhà Phật. Đến chùa Hoa Yên, khi vào bái yết Đại sa môn Trúc Lâm, được Quốc sư tiếp đón niềm nở, nhưng lại khuyên vua quay trở về vì “trong núi vốn không có Phật, Phật ở ngay trong lòng” (Nguyễn Huệ Chi 1989: 28). Trần Thái Tông đành

quay về kinh đô. Nhớ lời dạy của Quốc sư, hàng ngày ông vừa giải quyết công việc triều chính, những lúc nhàn rỗi, thường tập hợp những bậc kỳ đức trao đổi, học tập đạo Thiền. Ông đã viết rất nhiều tác phẩm về Phật giáo như: *Thiền tông chỉ nam*, *Lục thời sám hối khoa nghi*, *Kim cương tam muội kinh chú giải*, *Bình đẳng lễ sám văn*, *Khóa hư lục*.

Thông qua các tác phẩm của Trần Thái Tông, chúng ta hiểu được ít nhiều tư tưởng Phật giáo của ông, nắm được những tư tưởng tiên bộ, bản chất của Phật với tư cách thế giới tinh thần siêu việt của

cá nhân, lý giải ý thức của một người dân bình thường sống giữa cuộc đời trần thế. Có thể nói, Trần Thái Tông đã đến với Phật giáo, góp phần đáng kể vào việc phát triển Phật giáo thời Trần, đồng thời là người mở đầu và phát triển xu hướng nhập thế của Phật giáo Việt Nam, đặt nền móng cho Thiền phái Trúc Lâm - Thiền phái duy nhất của người Việt.

1. Tiền đề cho sự hình thành quan điểm về bản thể của Trần Thái Tông

Thiền ở Việt Nam trở thành tông phái bắt đầu từ Vinitaruci. Thiền phái này hình thành năm 580, khi Vinitaruci sang Việt Nam và kéo dài cho đến cuối thời Lý, đầu thời Trần. Không thỏa mãn với thiền phái Vinitaruci mang sắc thái Ấn Độ, thiền phái Vô Ngôn Thông mang sắc thái Trung Hoa, Lý Thánh Tông đã đi theo khuynh hướng tổng hợp. Từ đó, thiền phái Thảo Đường ra đời.

Vào đầu thế kỷ thứ XIII, ba thiền phái Vinitaruci, Vô Ngôn Thông và Thảo Đường dần nhập lại thành một. Do ảnh hưởng lớn lao của Trần Thái Tông và Tuệ Trung Thượng Sĩ, sự sáp nhập của ba thiền phái trên đây đã đưa tới sự phát triển lớn của thiền phái Yên Tử, trở thành thiền phái Trúc Lâm - thiền phái duy nhất thời Trần. Chính vì vậy, tư tưởng của ba thiền phái này ảnh hưởng trực tiếp đến tư tưởng thiền thời Trần nói chung và tư tưởng thiền của Trần Thái Tông nói riêng.

Hiện nay, không còn tác phẩm nào của phái Thảo Đường được lưu lại, vì vậy, trong phạm vi bài viết này, chúng tôi chỉ tập trung phân tích quan điểm về bản thể của thiền phái Vinitaruci và Vô Ngôn Thông với tư cách tiền đề trực tiếp hình thành quan điểm về bản thể của Trần Thái Tông.

1.1. Quan điểm về bản thể của thiền phái Vinitaruci

Thiền phái Vinitaruci là dòng thiền đầu tiên ở Việt Nam được ghi lại một cách tương đối đầy đủ. Đây là dòng thiền chứa đựng trong mình một số yếu tố của mật giáo, nhưng đời sống tu hành lại mang đậm màu sắc Ấn Độ. Thiền phái Vinitaruci không đi theo khuynh hướng cực đoan “bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền, trực chỉ nhân tâm, kiến tính thành Phật”, mà vẫn coi trọng kinh điển.

Để chỉ bản thể, các thiền sư phái Vinitaruci dùng nhiều từ, như: “Tâm”, “Tâm ấn”, “Chân tâm”, “Như như”, “Chân tính”, “Pháp tính”, “Chân thân”,... đồng thời khẳng định bản thể này là bất sinh bất diệt: “Chân tính thường vô tính/ Hà tăng hữu sinh diệt/ Thân thị sinh diệt pháp/ Pháp tính vị tăng diệt” (Chân tính thường vô tính/ Chưa từng có sinh diệt/ Thân là pháp sinh diệt/ Pháp tính chưa từng diệt) (Thiền uyển tập anh 1990: 206-207).

Thế giới hiện tượng và con người còn có sinh tử, đó là pháp sinh diệt, còn

bản thể là pháp tính, là chân tính vốn vô tính nên không sinh, không diệt, thường trụ, bất biến. Thiền phái này cho rằng, bản thể và thế giới hiện tượng có liên quan mật thiết với nhau, không tách rời nhau. Thế giới hiện tượng đều từ bản thể mà ra, là sự phản ánh, thể hiện của bản thể. Ở góc độ nào đó, nó cũng chính là bản thể. Thiền sư Y Sơn (thế hệ thứ 19) viết: “Chân thân thành vạn tượng/ Vạn tượng tức chân thân” (Thiền uyển tập anh 1990: 244).

Bản thể này cũng chính là chân tâm ở trong thế giới trần tục, lẫn với bụi đời. Khi giác ngộ, bản thể thần diệu đó vốn là hư không, nhưng không phải là trống rỗng, mà luôn biểu hiện mình ở thế giới hiện tượng. Thiền sư Chân Không (1046-1100) viết: “Diệu bản hư vô nhật nhật khoa/ Hòa phong xuy khởi biến sa bà” (Hư vô diệu thể vẫn khoe bày/ Khấp cõi sa bà, gió diu bay) (Nguyễn Hùng Hậu 2002: 74).

Như vậy, thiền phái Vinitaruci mới chỉ dùng khái niệm “Diệu bản” để chỉ bản thể, mà chưa dùng khái niệm “bản thể” như Tuệ Trung Thượng Sĩ. Sau này, Trần Nhân Tông đã kế thừa và phát triển khái niệm “bản” này.

Nếu bản thể có trong mỗi người thì để trực nhận bản thể, phải hướng vào trong, chứ không thể hướng ra bên ngoài. Bởi vì, bản thể này vượt trên sự đối đãi nhị nguyên, nên không thể dùng ngôn ngữ,

văn tự, thanh sắc để mô tả. Điều này thể hiện rõ nhất trong khái niệm “tâm ấn” mà Vinitaruci nói với học trò của mình là Pháp Hiền: “tát bất tương khiếm, viên đồng thái hư, vô khiếm vô dư, vô khứ vô lai, vô thất vô đắc, phi nhất dị, phi thường phi đoạn, bản vô sinh xứ diệt vô diệt xứ, diệt phi viễn ly phi bất viễn ly, vi đối vọng duyên giả lập danh” (Tâm ấn ấy tràn đầy thái hư, không thiếu không thừa, không đi không tới, không được không mất, chẳng một chẳng khác, chẳng thường chẳng đoạn, vốn không ở chỗ sinh, cũng không ở chỗ diệt, không lìa xa mà cũng chẳng không lìa xa. Vì phải đối lập với cái duyên hư vọng mà phải giả đặt ra các tên như vậy) (Nguyễn Hùng Hậu 2002: 76).

1.2. Quan điểm về bản thể của thiền phái Vô Ngôn Thông

Dòng thiền Vô Ngôn Thông là dòng thiền thứ hai của Phật giáo Việt Nam mà sách vở còn ghi lại một cách tương đối đầy đủ. Điểm nổi trội của thiền phái Vô Ngôn Thông là các thiền sư của phái này đều chú tâm vào đạo thiền, làm nổi bật rõ những nguyên lý, con đường của thiền để đưa hành giả tới giác ngộ. Có thể nói, thiền phái Vô Ngôn Thông chịu ảnh hưởng của Phật giáo Trung Quốc (đặc biệt là thiền của Huệ Năng) sâu đậm hơn Phật giáo Ấn Độ.

Để chỉ bản thể, các thiền sư phái Vô Ngôn Thông đã dùng nhiều từ khác

nhau, chẳng hạn như: Diệu thể, thể, thân tâm, Không tịch, Chân tính, pháp thân, pháp, tâm, Chân như, Như Lai tạng, Không, hư không, pháp tính, Phật, tính... Như vậy, so với thiền phái Vinitaruci, số lượng từ để chỉ bản thể ở thiền phái này phong phú hơn nhiều, thậm chí nhiều khái niệm mà thiền phái Vinitaruci không có, chẳng hạn như: Pháp thân, pháp, Như Lai tạng.

Theo các thiền sư phái Vô Ngôn thông, bản thể là pháp thân, vốn không có hình tướng. Pháp thân này ứng hóa thành Phật, không chỗ nào không đến, tràn ngập khắp mọi nơi. Nó đứng trên đối đãi, nhị nguyên, mâu thuẫn, vô thực vô hư, bất sinh bất diệt. Bản thể còn là chân tính. Hứa Đại Xả viết: “Chân tính linh minh vô khế ngại” (Chân tính sáng thiêng vô trở ngại) ((Thiền uyển tập anh 1990: 123).

Ở thiền phái Vô Ngôn Thông, bản thể còn là tâm. Điều này thể hiện rõ trong bài kệ của Nam Nhạc Hoài Nhượng (là thầy Vô Ngôn Thông): “Nhất thiết chư pháp/ Giai tông tâm sinh/ Tâm vô sở sinh/ Pháp vô sở trụ” (Thiền uyển tập anh 1990: 30).

Đây chính là quan niệm *Nhất thiết duy tâm tạo* của Phật giáo. Theo đó, mọi pháp, vạn vật đều từ tâm mà sinh ra, cũng có nghĩa tất cả đều phụ thuộc vào tâm. Nếu tâm không có chỗ sinh thì pháp cũng không có chỗ trụ.

Ở thiền phái Vô Ngôn Thông đã xuất hiện khái niệm *Như Lai tạng*. *Như Lai tạng* chính là *Chân như* ở trong phiền não, còn *Chân như* thoát ra khỏi phiền não thì gọi là *Pháp thân*. Như vậy, *Như Lai tạng* và *Pháp thân* chỉ là hai mặt của *Chân như*.

Cả hai thiền phái Vinitaruci và Vô Ngôn Thông đều cho rằng, bản thể và thế giới hiện tượng không tách rời nhau. Thiền phái Vinitaruci dùng khái niệm *Chân thân* để chỉ bản thể trong mối quan hệ với thế giới hiện tượng, còn thiền phái Vô Ngôn Thông dùng khái niệm *Diệu thể* và *Sắc thân* để chỉ mối quan hệ giữa bản thể và thế giới hiện tượng. Qua đó, có thể thấy, thiền phái Vinitaruci nhấn mạnh nguồn gốc của thế giới hiện tượng đi từ bản thể, còn thiền phái Vô Ngôn Thông nhấn mạnh mối quan hệ khăng khít, không tách rời giữa bản thể và thế giới hiện tượng. Thiền sư Đạo Huệ (thế hệ thứ 9 thiền phái Vô Ngôn Thông) viết: “Sắc thân dữ diệu thể/ Bất hợp bất phân ly/ Nhược nhân yếu phân biệt/ Lô Trung hoa nhất chi” (Sắc thân và diệu thể/ Chẳng hợp chẳng lìa xa/ Kẻ nào toan tách biệt/ Lò lửa, một cành hoa) (Thiền uyển tập anh 1990: 152).

Như vậy, bản thể và thế giới hiện tượng liên hệ mật thiết, khăng khít với nhau, không tách rời nhau. Chúng không hợp nhất làm một, nhưng cũng không phân ly làm hai.

2. Quan điểm bản thể của Trần Thái Tông

2.1. Khái niệm bản thể

Quan điểm về bản thể của Trần Thái Tông là quan điểm *Không*. Khái niệm *Không* (Sūnyatā) trong quan niệm bản thể của Phật giáo là thực tại tuyệt đối, thực thể của vũ trụ. *Không* hay thực tại tuyệt đối này không phải là một tình trạng không có gì cả, mà là nguồn gốc của cuộc sống, là cốt tủy của tất cả mọi sự vật, hiện tượng; vượt lên những khái niệm suy luận và không thể mô tả được. Trong bài tựa *Phổ thuyết tứ sơn*, ông viết: “tứ đại bản vô, ngũ uẩn phi hữu. Do không khởi vọng, vọng thành sắc, sắc tự chân không. Thị vọng tòng không, không hiện vọng, vọng sinh chúng sắc” (Nguyễn Huệ Chi 1989: 42) (Tứ đại vốn là không, ngũ uẩn cũng chẳng có. Từ không khởi ra hư vọng, từ hư vọng thành ra sắc tướng mà sắc tướng là từ cái chân không. Thế là hư vọng từ không, không lại biểu hiện thành hư vọng, hư vọng sinh ra mọi sắc tướng).

Như vậy, *Không* là cội nguồn và nguyên khởi của mọi thứ. *Không* ở đây là cái tuyệt đối, là thái hư; chân thể không sinh không hóa, không có tướng cũng không có hình, không có điểm khởi đầu cũng như không có điểm kết thúc, nghĩa là ở trạng thái không có đối lập, không có mâu thuẫn, siêu việt lên tất cả, trạng thái “vô sở trụ”.

Trong bài tựa *Kim cương tam muội kinh*, Trần Thái Tông lại gọi *bản thể* là *bản tính, chân tâm* và đã miêu tả như sau: “bản tính huyền ngưng, chân tâm trạm tịch. Thành khuy câu tuyệt, phi tính trí năng cứu ư đoan nghê; hợp tán tận di, khởi nhĩ mục khả tham vu ảnh hưởng. Hữu vô niết tộ; đạo tục tiền di. Trác nhĩ độc tôn; siêu nhiên vô ngoại. Thủ kim cương tự tính chi yếu xuyên dã” (Nguyễn Huệ Chi 1989: 32) (Bản tính sâu trầm, chân tâm trong lặng. Khuyết tròn đều dứt, nếu không phải là người trí thì không truy cứu đến giềng mối của nó. Nó không hợp, không tan, không mất, không còn. Mắt và tai không thể tìm hình bóng, tiếng vang của nó. Vì nó không phải hữu cũng không phải vô, không đạo cũng không tục, nó độc tôn, siêu nhiên, ngoài nó không có gì khác, vì vậy nó là tự tính kim cương).

Cái *bản tính* hay *chân tâm* như vậy, cũng chính là cái *diện tính, chân như* mà các thiền sư đời Lý mô tả. Điểm đáng chú ý là Trần Thái Tông cũng như các nhà thiền học thời Trần rất tích cực trong việc kêu gọi hướng vào tâm mà tìm thấy tính. Vấn đề này tuy đã được một số nhà sư thời Lý đề cập, nhưng nhìn chung, trong thiền học thời Lý, nó không được nhấn mạnh như trong thiền học thời Trần.

Ở Trần Thái Tông cũng như ở hai thiền phái Vinitaruci và Vô Ngôn

Thông, tất cả những khái niệm có tính chất bản thể luận, trên bình diện tuyệt đối hay tồn tại tuyệt đối, đều gần giống nhau. Trong triết học Trần Thái Tông, chúng ta còn thấy sự xuất hiện khái niệm *Bản lai diện mục*. *Bản lai diện mục* (khuôn mặt nguyên xưa) cũng chính là *bản tâm* (cái tâm ban đầu). Cái tâm ban đầu chính là *bản thể*, là *không hư*. Còn tâm trong mỗi con người không phải là cái tâm ban đầu, mà chỉ là phần chiếu mờ nhạt nó, do đã trải qua nhiều kiếp luân hồi sinh tử, do tham, sân, si trong cuộc sống hiện tại. Chính vì vậy, trong tâm mỗi người hiện nay chỉ còn lại những dấu vết, dấu ấn mờ nhạt mà đôi khi người ta gọi là mầm Phật tính, tính Phật hay trong thiền phái Vô Ngôn Thông gọi là Niết bàn. Trần Thái Tông gọi Phật tính là *Bồ đề giác tính* hay *Bát nhã thiện căn*. Khi đã diệt được tham, sân, si, thì *Bồ đề giác tính* hay *Bát nhã thiện căn* ở mỗi con người lại trong trẻo tràn đầy, bởi vì: “chúng sinh ưu bản lai giác tính thanh tịnh viên minh, trạm nhược thái hư, nhất trần bất lập” (Nguyễn Huệ Chi 1989: 156) (Bản tính sẵn có của chúng sinh vốn là thanh tịnh, tròn đầy, sáng suốt, trong trẻo như bầu trời, không gợn một mây bụi).

Pháp thân (dharma-kaya) cũng là một khái niệm có tính chất bản thể luận mà chúng ta thường thấy trong thiền của Trần Thái Tông. Đối lập với *pháp thân*,

ông dùng khái niệm *phàm thân*, tức thân của người phàm phu bình thường, thân trần tục. Nếu thân con người là giả hợp, ảo ảnh, là con rối trên sân khấu cuộc đời, thì *pháp thân* là chân thật vĩnh viễn. Theo Trần Thái Tông, người đời thường nhận lầm mình là thực, quên mất pháp thân (“chấp vì bất ngã thể, vong khước pháp thân”).

Tóm lại, theo Trần Thái Tông, bản thể là khởi nguyên, cội nguồn, là cái gốc, cái đầu tiên của toàn thể vũ trụ. Bản thể vũ trụ có tính chất thường hằng và chân thực, không trái cũng không phải, không có khởi đầu và cũng không có kết thúc. Do đó, chúng ta không thể dùng tư duy phân tích thông thường để nhận thức về nó, mà phải bằng cái tâm trong sáng mới có thể thấu suốt toàn bộ bản thể trong tính chỉnh thể của nó. Bản thể là một, nhưng biểu hiện thành nhiều tên gọi khác nhau. Để hiểu rõ hơn về bản chất của bản thể, chúng ta sẽ tìm hiểu mối quan hệ giữa bản thể và thế giới hiện tượng.

2.2. Mối quan hệ giữa bản thể và thế giới hiện tượng

Mối quan hệ giữa bản thể và thế giới hiện tượng hay mối quan hệ giữa chân như và tồn tại là một trong những vấn đề cơ bản của triết học Phật giáo. Đây là mối quan hệ giữa chân lý tuyệt đối (thực tại tuyệt đối hay còn gọi là chân đế, đệ nhất nghĩa đế, thắng nghĩa đế) và chân lý

tương đối (thực tại ước lệ hay còn gọi là tục đế, thể đế, thể tục đế) trong nhị đế. Trong đó, chân đế là: “sự thật siêu việt khỏi mọi nhận thức vọng tưởng phân biệt của người thường, thí dụ như Niết Bàn, Chân Như không thể diễn tả bằng ngôn ngữ thông thường được, không thể dùng trí năng để suy nghĩ (bất khả tư nghị), mà chỉ có thể thân chứng trực ngộ. Sự thật được nhìn thấy từ bản tánh không phân biệt, hàm ngụ ý nghĩa cứu kính. Đây là cảnh giới hiện quán của những bậc đã giác ngộ” (Tâm Tuệ Hỷ 2005: 317). Còn Tục đế là: “Sự thật cuộc đời thể tục do phân biệt, khái niệm mà có và có thể diễn tả bằng ngôn ngữ thông thường đối đãi, so sánh với nhau. Còn gọi là chân lý công ước, ước lệ (hàm ngụ ý nghĩa của phương tiện). Đây là chân lý của những chúng sinh còn vô minh”(Tâm Tuệ Hỷ 2005: 317) và “mối quan hệ của hai chân lý này là bất khả phân ly”(Tâm Tuệ Hỷ 2005: 317).

Trần Thái Tông đã nói về mối quan hệ này như sau: “tứ đại bản vô, ngũ uẩn phi hữu. Do không khởi vọng, vọng thành sắc, sắc tự chân không. Thị vọng tòng không, không hiện vọng, vọng sinh chúng sắc” (Nguyễn Huệ Chi 1989: 42) (Tứ đại vốn là không, ngũ uẩn cũng chẳng có. Từ không khởi ra hư vọng, từ hư vọng thành ra sắc tướng mà sắc tướng là từ cái chân không. Thế là hư vọng từ không, không lại biểu hiện

thành hư vọng, hư vọng sinh ra mọi sắc tướng).

Vô là không có, không tồn tại, đối lập với Hữu, là có, hiện hữu, tồn tại. Không là không hư, đối lập với Sắc, là hình tướng, là thế giới hiện tượng. Vọng là loạn, là giả dối, sai lầm. Giả là thuộc tính của thế giới hiện tượng, còn Vọng được coi như nguyên nhân nảy sinh thế giới hiện tượng. Vì Vọng mà Không trở thành Sắc. Từ cái Không - tuyệt đối mà khởi nên vọng, tức vô minh. Vô minh theo bản thể (Không) cũng là Vọng tòng Không, Không hiện Vọng. Vọng thành sắc hay vọng sinh chúng sắc, cũng có nghĩa là vô minh sinh ra thế giới hình danh sắc tướng. Trần Thái Tông viết: “chúng sinh huyễn cấu tòng vọng nhi sinh” (Nguyễn Huệ Chi 1989: 156) (chúng sinh huyễn ảo do vọng mà sinh). Ở đây, vọng hay vô minh là mắt xích đầu tiên trong “thập nhị nhân duyên”.

Trong triết học của Trần Thái Tông, nếu “vọng” là nguyên nhân xuất hiện thế giới hiện tượng, xuất hiện chúng sinh, thì “niệm” là nguyên nhân xuất hiện cái “tôi”, con người cá nhân. Trong bài *Phổ thuyết tứ sơn*, ông viết: “Chân tể huân đào vạn tượng thành,/ Bản lai phi triệu hựu phi manh,/ Chỉ sai hữu niệm vong vô niệm,/ Khước bội vô sinh, thụ hữu sinh” (Nguyễn Huệ Chi 1989: 42) (Tạo hóa khuôn thiêng đúc vạn hình,/ Vốn không triệu chứng chẳng mầm xanh./ Sai

vì hữu niệm quên vô niệm,/ Trái với vô sinh hướng hữu sinh).

Theo kinh điển Phật giáo, tất cả những gì mà ta cảm thấy được dưới dạng kinh nghiệm chỉ là bộ mặt cơ giới nông cạn của đời sống hàng ngày, vì vậy, chỉ là ảo ảnh. Cái ảo ảnh lại là một chuỗi những liên kết tạm thời của những yếu tố cũng tạm thời. Những yếu tố tạm thời, về thực chất, là biểu hiện của thực tại tuyệt đối đứng đằng sau chúng. Thực tại không tách rời khỏi những biến hiện vô cùng của chúng. Trong *Khóa hư lục*, Trần Thái Tông viết: “cư huyền sắc diệt danh chân sắc, xử phàm thân dã thị pháp thân” (Nguyễn Huệ Chi 1989: 54) (Trong ảo sắc cũng là chân sắc, nơi phàm thân cũng thực pháp thân); “Quý quật lý tại dã thị Di Lặc lâu đài; Hắc sơn hạ cư bất dị Phổ Hiền cảnh giới. Xứ xứ đại quang minh tạng; cơ cơ bất nhị pháp môn” (Nguyễn Huệ Chi 1989: 73) (Hang quý ở là lâu đài Di Lặc; núi Hắc sơn đâu khác cảnh Phổ Hiền. Chón chón là tạng đại quang minh; cơ cơ là pháp môn bất nhị).

Như vậy, bản thể là cái không tướng, không hình, không sinh, không diệt, không phải, không trái,... là cái không thể dùng ngôn ngữ, văn tự mô tả được. Bản thể vừa là vật chất vừa phi vật chất. Bản thể hay chân như (chân lý tuyệt đối) có mối quan hệ bất khả phân ly với thế giới hiện tượng (chân lý tương đối); cái

này là biểu hiện của cái kia và cái kia được biểu hiện ra nhờ cái này một cách biện chứng.

Qua những phân tích trên, có thể nói, theo Trần Thái Tông, bản thể là cái có tính chất thường hằng và chân thực, không tướng không hình, không có khởi đầu và cũng không có kết thúc. Theo ông, bản thể này là thực tại cuối cùng, xuyên suốt mọi vật thể vật chất trong vũ trụ, không thể dùng lời nói, văn tự diễn tả được. Thế giới hiện tượng và con người xuất hiện từ bản thể này. Bởi vậy, mỗi chúng sinh đều có tính chất, mầm mống của bản thể, tức là mỗi chúng sinh đều có *Phật tính*. Từ bản thể hay chân như, do vô minh, vọng động mà xuất hiện chúng sinh. Từng chúng sinh sau khi giải thoát lại trở về hòa nhập với bản thể tuyệt đối. □

Tài liệu trích dẫn

1. Nguyễn Huệ Chi (Chủ biên). 1989. *Thơ văn Lý - Trần*, tập II - quyển thượng. Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội.
2. Nguyễn Hùng Hậu (Chủ biên). 2002. *Đại cương lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam*. Tập 1. Hà Nội: Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
3. Tâm Tuệ Hý (Biên soạn). 2005. *Danh từ Phật học thực dụng*. Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tôn giáo.
4. *Thiền uyển tập anh*. 1990. Hà Nội: Phân viện nghiên cứu Phật học và Nxb. Văn học.